



HỘI THẢO KHOA HỌC HƯỚNG ĐẾN BẢN ÁN NỮ QUYỀN VIỆT NAM

VFJ2025

KỶ YẾU TÓM TẮT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2025

MỤC LỤC

HÔN NHÂN, GIA ĐÌNH VÀ LAO ĐỘNG	5
TỰ DO TÍN NGƯỠNG - BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG XÉT XỬ LY HÔN: PHÂN TÍCH BẢN ÁN SỐ 300/2024/HNGĐ-ST DƯỚI GÓC NHÌN NỮ QUYỀN	6
Phạm Thị Huyền	6
KHI CON CHUNG TRONG THỜI KỲ HÔN NHÂN KHÔNG CÙNG HUYẾT THỐNG VỚI NGƯỜI CHA – GÓC NHÌN TỪ PHÁN QUYẾT NỮ QUYỀN	7
Bùi Lê Hiếu.....	7
Nguyễn Thu Hiền	7
TỪ CẢM THÔNG ĐẾN CÔNG LÝ GIỚI: PHÂN TÍCH LÝ THUYẾT NỮ QUYỀN VỀ THỰC TIỄN PHÂN CHIA TÀI SẢN CHUNG CỦA VỢ CHỒNG TRONG CÁC BẢN ÁN LY HÔN TẠI VIỆT NAM	8
Đặng Hoàng Minh	8
Đoàn Thị Phương Diệp.....	8
TRANH CHẤP LY HÔN, NUÔI CON CHUNG VÀ CHIA TÀI SẢN CHUNG....	9
Nguyễn Thị Kim Chung	9
Mai Thị Mai	9
VỀ QUYỀN NUÔI CON DƯỚI 36 THÁNG TUỔI.....	10
Phan Thị Lan Hương	10
ÁN LỆ SỐ 54/2022/AL VÀ VẤN ĐỀ NUÔI CON DƯỚI 36 THÁNG TUỔI KHI LY HÔN DƯỚI GÓC NHÌN NỮ QUYỀN.....	11
Nguyễn Thị Mỹ Linh	11

Nguyễn Phan Khôi.....	11
BẢN ÁN VỀ LY HÔN, TRANH CHẤP NUÔI CON CHUNG, CHIA TÀI SẢN, NỢ CHUNG	12
Nguyễn Thị Vy Quý	12
PHÂN CHIA TÀI SẢN CHUNG KHI LY HÔN.....	13
Nguyễn Thái Cường	13
Nguyễn Trần Anh Thư.....	13
PHÁN QUYẾT VỀ CÔNG NHẬN CHA VÀ QUYỀN NUÔI CON: MANG THAI HỘ XUYÊN QUỐC GIA VÀ CÁC CHIỀU CẠNH CÔNG LÝ TRONG MỘT BẢN ÁN CỦA TÒA ÁN VIỆT NAM DƯỚI GÓC NHÌN NỮ QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	14
Nguyễn Trương Anh Trâm	14
BẢN ÁN VỀ PHÂN CHIA QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHI GIẢI QUYẾT LY HÔN	15
Phạm Thị Bích Phượng.....	15
BẢN ÁN VỀ YÊU CẦU CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH TẠI VIỆT NAM BẢN ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH CỦA TÒA ÁN NƯỚC NGOÀI	16
Nguyễn Thị Hồng Nhung	16
Ngô Minh Phương Thảo	16
YÊU CẦU CÔNG NHẬN QUYỀN THỪA KẾ VÀ TRANH CHẤP DI SẢN THỪA KẾ	17
Nguyễn Thị Kim Chung	17

BẢN ÁN VỀ TRANH CHẤP LAO ĐỘNG XỬ LÝ KỶ LUẬT SA THẢI VỚI CÁ NHÂN CÓ HÀNH VI QUẤY RỐI TÌNH DỤC	18
Phạm Thị Thu Phương.....	18
Nguyễn Thảo Minh.....	18
HÌNH SỰ	19
BẢN ÁN DÀNH CHO NỮ LÃNH ĐẠO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN.....	20
Lê Thị Hằng	20
BẢN ÁN VỀ TỘI “HIẾP DÂM NGƯỜI DƯỚI 16 TUỔI”: QUYỀN TIẾP CẬN CÔNG LÝ CỦA NẠN NHÂN NỮ BỊ XÂM HẠI TÌNH DỤC.....	21
Đặng Thị Hoài	21
BẢO VỆ PHỤ NỮ LÀ NẠN NHÂN CỦA BẠO LỰC GIA ĐÌNH QUA BÌNH LUẬN VỤ ÁN HÌNH SỰ VỀ TỘI HÀNH HẠ VỢ	22
Hà Lệ Thủy	22
Nguyễn Thị Hoài	22
TỘI GIẾT HOẶC VỨT BỎ CON MỚI ĐẺ - GÁNH NẶNG CỦA XÃ HỘI GIA TRƯỞNG TRÊN THÂN PHẬN PHỤ NỮ	23
Nguyễn Đình Đức	23
Nguyễn Phương Quỳnh Chi.....	23
BẢN ÁN VỀ TỘI PHẠM TỔ CHỨC MANG THAI HỢP VỊ MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI.....	24
Phan Thị Hương Giang.....	24
Nguyễn Phương Quỳnh Chi.....	24

CHỦ ĐỀ 1

HÔN NHÂN, GIA ĐÌNH VÀ LAO ĐỘNG

TỰ DO TÍN NGƯỠNG - BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG XÉT XỬ LY HÔN: PHÂN TÍCH BẢN ÁN SỐ 300/2024/HNGĐ-ST DƯỚI GÓC NHÌN NỮ QUYỀN

Phạm Thị Huyền

Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới - Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

phamhuyenvtd@gmail.com

Bài viết phân tích bản án số 300/2024/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Hà Nội – một vụ ly hôn xuất phát từ sự khác biệt tín ngưỡng khi người vợ theo đạo Nhân chứng Giê-hô-va – dưới lăng kính pháp luật nữ quyền. Mặc dù pháp luật Việt Nam và các công ước quốc tế đã ghi nhận và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng và bình đẳng giới, quá trình xét xử thực tế vẫn bị chi phối bởi các định kiến văn hóa và chuẩn mực giới truyền thống. Thông qua khung lý thuyết pháp luật nữ quyền truyền thống, lý thuyết giao thoa định kiến (intersectionality) và quan điểm nữ quyền tôn giáo hậu hiện đại, bài viết chỉ ra rằng bản án đã thiếu nhạy cảm giới khi đánh giá thiện chí hòa giải và năng lực nuôi con của người vợ.

Tòa án mặc định người vợ phải từ bỏ đức tin để chứng minh thiện chí hòa giải, trong khi bỏ qua hành vi ép buộc tín ngưỡng từ phía người chồng. Việc giao toàn quyền nuôi con cho người cha chủ yếu dựa trên nơi cư trú thực tế và ý kiến của trẻ, mà không đánh giá đầy đủ khía cạnh tình cảm, chăm sóc tinh thần của người mẹ. Bài viết đề xuất bản án được viết lại theo hướng tiếp cận nữ quyền, bảo vệ quyền nhân thân của phụ nữ, đề cao sự công bằng giới và quyền tự chủ tín ngưỡng trong hôn nhân. Từ đó, nghiên cứu góp phần thúc đẩy xây dựng quy trình xét xử nhạy cảm giới hơn trong các vụ án hôn nhân có yếu tố tôn giáo tại Việt Nam.

KHI CON CHUNG TRONG THỜI KỲ HÔN NHÂN KHÔNG CÙNG HUYẾT THỐNG VỚI NGƯỜI CHA – GÓC NHÌN TỪ PHÁN QUYẾT NỮ QUYỀN

Bùi Lê Hiếu

Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng

buihieuvank25thd@gmail.com

Nguyễn Thu Hiền

Học viện Tòa án

nguyenthuhien092003@gmail.com

Bài viết phân tích bản án số 04/2020/DS-ST của TAND huyện Thanh Ba (Phú Thọ) – một vụ kiện đòi bồi thường thiệt hại sau ly hôn, xuất phát từ việc đưa trẻ sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nhưng không có quan hệ huyết thống với người chồng – dưới lăng kính pháp luật hiện hành và lý thuyết pháp luật nữ quyền. Trong bối cảnh pháp luật ngày càng nhấn mạnh bảo đảm quyền con người và bình đẳng giới, bài viết chỉ ra những bất cập trong việc áp dụng nguyên tắc trung lập giới và nguy cơ biến đạo đức hôn nhân thành trách nhiệm pháp lý một chiều áp đặt lên người phụ nữ.

Từ phân tích lập luận của Tòa án, bài viết làm rõ sự vận hành phiến diện của các chuẩn mực pháp lý truyền thống, đặc biệt là nghĩa vụ chung thủy, khi không đánh giá đầy đủ yếu tố giới, hoàn cảnh sống, vai trò chăm sóc của người vợ trong hôn nhân. Tòa án đã không truy xét đến yếu tố nhận thức, sự chấp thuận ngầm của người chồng và bối cảnh nuôi dưỡng thực tế, mà chỉ dựa vào quan hệ huyết thống để xác lập thiệt hại và trách nhiệm. Bài viết lập luận rằng, việc vận dụng lẽ công bằng trong trường hợp này là không thỏa đáng và tiềm ẩn nguy cơ hình sự hóa nghĩa vụ đạo đức.

Bằng cách vận dụng lý thuyết nữ quyền hiện đại, bài viết đề xuất cách tiếp cận công lý nhạy cảm giới, nhấn mạnh sự cần thiết của một nền tư pháp có khả năng nhìn thấy con người trong toàn bộ bối cảnh giới, nhân thân và xã hội, thay vì xét xử dựa trên hình ảnh “chuẩn mực” mang tính định kiến và bất bình đẳng giới.

TỪ CẢM THÔNG ĐẾN CÔNG LÝ GIỚI: PHÂN TÍCH LÝ THUYẾT NỮ QUYỀN VỀ THỰC TIỄN PHÂN CHIA TÀI SẢN CHUNG CỦA VỢ CHỒNG TRONG CÁC BẢN ÁN LY HÔN TẠI VIỆT NAM

Đặng Hoàng Minh

Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP.HCM; Trường Đại học FPT

email: minhhdh20@fe.edu.vn;

Đoàn Thị Phương Diệp

Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP.HCM

Dieptp@uel.edu.vn

Nghiên cứu này đánh giá tính công bằng và hợp lý của việc phân chia tài sản chung khi ly hôn tại các tòa án Việt Nam từ góc độ lý thuyết nữ quyền. Thông qua phân tích chuyên sâu hai bản án điển hình, nghiên cứu làm rõ cách thức các thẩm phán Việt Nam đã chủ động bảo vệ quyền lợi của người vợ bằng việc mở rộng phạm vi phân chia, trong một số trường hợp bao gồm cả tài sản riêng của người chồng. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng hướng tiếp cận này chưa hoàn toàn thống nhất với các nguyên tắc pháp lý hiện hành, đồng thời có những điểm lệch chuẩn so với quan điểm cơ bản của lý thuyết nữ quyền về công lý giới. Trên cơ sở phân tích này, nghiên cứu đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật về phân chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn thông qua việc tham khảo kinh nghiệm quốc tế, đặc biệt là các phương pháp xác định đóng góp của mỗi bên trong quá trình hôn nhân. Những đề xuất này nhằm thúc đẩy công lý giới và cung cấp cơ sở khoa học cho tiến trình cải cách pháp luật tại Việt Nam, hướng tới việc phân chia tài sản sau ly hôn một cách công bằng, hiệu quả và toàn diện hơn.

TRANH CHẤP LY HÔN, NUÔI CON CHUNG VÀ CHIA TÀI SẢN CHUNG

Nguyễn Thị Kim Chung

Học viện Hành chính và Quản trị công

Mai Thị Mai

Đại học Luật Hà Nội

Bài viết này phân tích phán quyết của Tòa án trong vụ án ly hôn giữa bà Dương Thị Phương Q và ông Dương Đức L, với trọng tâm là tranh chấp quyền nuôi con sau ly hôn – một vấn đề pháp lý nhạy cảm giới trong bối cảnh pháp luật và xã hội Việt Nam. Mặc dù pháp luật hôn nhân và gia đình khẳng định nguyên tắc bình đẳng giữa cha và mẹ, thực tiễn xét xử lại thường bị chi phối bởi định kiến giới và cách hiểu hình thức về bình đẳng.

Trên cơ sở lý thuyết pháp luật nữ quyền, bài viết lập luận rằng bản án sơ thẩm – giao cả hai con cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng – đã thể hiện sự ghi nhận hợp lý vai trò chăm sóc bền bỉ của bà Q và đảm bảo sự ổn định tâm lý cho các con. Ngược lại, bản án phúc thẩm – chia tách con cho mỗi bên – tuy mang danh “công bằng”, nhưng lại vô hình hóa lao động chăm sóc của người mẹ, chia cắt quan hệ anh em ruột, và thiếu đi cái nhìn thực chất về lợi ích của trẻ em.

Bài viết sử dụng lăng kính nữ quyền để làm rõ ba điểm chính: (i) sự hiện diện của định kiến giới trong lập luận pháp lý; (ii) cách hiểu hạn hẹp và hình thức về lợi ích tốt nhất của trẻ em; (iii) nhu cầu khẳng định giá trị pháp lý của lao động chăm sóc và mối quan hệ tình cảm gia đình.

Cuối cùng, bài viết đề xuất viết lại bản án theo hướng nữ quyền – nhấn mạnh đến bình đẳng thực chất, công nhận vai trò không thể thay thế của người mẹ và quyền được sống cùng nhau của anh em ruột. Qua đó, bài viết góp phần mở rộng diễn ngôn tư pháp nhạy cảm giới trong các tranh chấp gia đình tại Việt Nam hiện nay.

VỀ QUYỀN NUÔI CON DƯỚI 36 THÁNG TUỔI

Phan Thị Lan Hương

Trường ĐH Luật HN

phanhuong@hlu.edu.vn

Trong khuôn khổ lý thuyết pháp luật nữ quyền, quyền được trực tiếp nuôi con dưới 36 tháng tuổi không chỉ là một quy định pháp lý mang tính nguyên tắc, mà còn là sự ghi nhận vai trò trung tâm của người mẹ trong chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ nhỏ – giai đoạn được xem là nhạy cảm và quyết định đối với sự phát triển ban đầu của trẻ em. Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là một minh chứng điển hình cho quan điểm này khi quy định rằng: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”.

Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử, tiêu chí “đủ điều kiện” thường bị diễn giải theo hướng thiên về các yếu tố vật chất như việc làm ổn định, thu nhập, nơi cư trú..., từ đó vô tình tạo ra những rào cản pháp lý và định kiến đối với phụ nữ – đặc biệt là những người mẹ đang trong hoàn cảnh dễ tổn thương. Bài viết phân tích bản án sơ thẩm số 16/2017/HNGĐ-ST, trong đó quyền nuôi con dưới 36 tháng tuổi đã được trao cho người cha, nhằm làm rõ cách các chuẩn mực giới và tiêu chí đánh giá “đủ điều kiện” có thể gây bất lợi cho người mẹ.

Dưới góc nhìn nữ quyền, bài viết cho rằng phán quyết trong những vụ án như vậy cần mở rộng phạm vi xem xét đến hoàn cảnh sống thực tế, nguyên nhân dẫn đến bất lợi kinh tế của người mẹ, cũng như giá trị không thể thay thế của lao động chăm sóc phi thị trường. Từ đó, tác giả đề xuất định hướng xét xử công bằng hơn, đặt người mẹ và trẻ nhỏ vào trung tâm của các phán quyết gia đình, đảm bảo công lý thực chất về giới.

ÁN LỆ SỐ 54/2022/AL VÀ VẤN ĐỀ NUÔI CON DƯỚI 36 THÁNG TUỔI KHI LY HÔN DƯỚI GÓC NHÌN NỮ QUYỀN

Nguyễn Thị Mỹ Linh

mylinh@ctu.edu.vn

Nguyễn Phan Khôi

nphkoi@ctu.edu.vn

Khoa Luật, Trường Đại học Cần Thơ

Quyền nuôi con dưới 36 tháng tuổi sau ly hôn là một vấn đề pháp lý nhạy cảm trong hệ thống pháp luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, thường được mặc định ưu tiên giao cho người mẹ theo khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tuy nhiên, quy định này, dù mang tính nhân văn, lại tiềm ẩn nhiều định kiến giới khi áp dụng cứng nhắc trong thực tiễn xét xử. Bài viết tập trung phân tích Án lệ số 54/2022/AL – một bản án điển hình trong việc áp dụng ngoại lệ của quy định trên – từ góc nhìn lý thuyết pháp luật nữ quyền, nhằm chỉ ra những bất cập trong cách đánh giá điều kiện nuôi con và định kiến giới gắn liền với vai trò chăm sóc trẻ nhỏ.

Qua phân tích tình tiết vụ án và phán quyết của Tòa án, nhóm tác giả đặt ra ba vấn đề chính: (1) Cách đánh giá điều kiện nuôi con của người mẹ có tính đến các yếu tố khách quan như bạo lực gia đình hay trầm cảm sau sinh hay không; (2) Quy định ưu tiên mẹ có vô tình củng cố vai trò truyền thống và gánh nặng giới; (3) Mặc định pháp lý này có làm suy giảm quyền ly hôn và quyền tự chủ của phụ nữ. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất viết lại bản án với cách tiếp cận nhạy cảm giới, đồng thời kiến nghị sửa đổi pháp luật theo hướng trung lập về giới, đánh giá thực chất các điều kiện nuôi con, và bảo vệ quyền lợi của cả trẻ em và phụ huynh một cách cân bằng. Phân tích cũng tham chiếu các tiêu chuẩn quốc tế (UNCRC, CEDAW) nhằm hướng đến một hệ thống tư pháp gia đình công bằng, nhân văn và bình đẳng giới hơn.

BẢN ÁN VỀ LY HÔN, TRANH CHẤP NUÔI CON CHUNG, CHIA TÀI SẢN, NỢ CHUNG

Nguyễn Thị Vy Quý

Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

quyntv@uel.edu.vn.

Bài viết phân tích bản án số 19/2024/HNGĐ-PT của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng dưới góc nhìn của lý thuyết pháp luật nữ quyền, nhằm làm rõ những bất bình đẳng giới tiềm ẩn trong quá trình xét xử tranh chấp tài sản khi ly hôn. Đây là một vụ án phức tạp, trong đó người vợ – nguyên đơn – không chỉ trực tiếp nuôi con bị tự kỷ sau ly hôn, mà còn nhận phần tài sản ít hơn đáng kể so với người chồng và phải chia sẻ cả các khoản nợ phát sinh từ hoạt động kinh doanh riêng của chồng. Qua việc phân tích nội dung vụ án, bài viết chỉ ra rằng các cơ quan xét xử chưa đánh giá đầy đủ vai trò của người phụ nữ trong việc chăm sóc con, đóng góp lao động gia đình, cũng như chưa cân nhắc các yếu tố bất lợi mà người vợ phải đối mặt, từ việc rời khỏi ngôi nhà thờ cúng tổ tiên của bên chồng cho đến việc không được chia phần tài sản có giá trị hình thành trong hôn nhân.

Bằng cách vận dụng lý thuyết pháp luật nữ quyền, bài viết đặt lại vấn đề về tính khách quan, công bằng trong phán quyết, đặc biệt là sự cần thiết phải thừa nhận và đánh giá đúng giá trị của công việc nội trợ và trách nhiệm chăm sóc con cái – vốn chủ yếu do người vợ đảm nhận. Bài viết đề xuất viết lại một số nội dung bản án theo hướng bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ trong ly hôn, từ đó nhấn mạnh vai trò của tư duy nhạy cảm giới trong xét xử. Thông qua đó, tác giả mong muốn thúc đẩy một hệ thống tư pháp gia đình công bằng, nhân văn và thực sự hướng tới việc bảo vệ những nhóm yếu thế trong xã hội, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em.

PHÂN CHIA TÀI SẢN CHUNG KHI LY HÔN

Nguyễn Thái Cường

Khoa Luật Dân sự, Trường Đại học Luật TP HCM

Nguyễn Trần Anh Thư

Khoa Quan hệ quốc tế, Trường Đại học KHXH&NV – ĐHQG-HCM

Bản án số 03/2024/HNGĐ-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Long An là một ví dụ điển hình về tranh chấp chia tài sản khi ly hôn, đặt ra nhiều vấn đề pháp lý quan trọng liên quan đến việc xác định tài sản chung – tài sản riêng và đánh giá công sức đóng góp của người vợ trong thời kỳ hôn nhân. Trong khi Tòa án cấp sơ thẩm và Viện kiểm sát xem thừa đất tranh chấp là tài sản riêng của người chồng do được tặng cho riêng và chỉ chia cho người vợ 20% giá trị đất dựa trên công sức đóng góp, thì Tòa án cấp phúc thẩm đã đưa ra hướng giải quyết tiến bộ hơn. Tòa xác định rằng tài sản này, dù có nguồn gốc từ việc tặng cho riêng, nhưng đã được hai vợ chồng cùng nhau sử dụng, thế chấp, khai thác và cùng xây dựng công trình trên đất, từ đó trở thành tài sản chung. Bản án viết lại đã tiếp cận lại vụ việc dưới lăng kính của pháp luật nữ quyền, làm nổi bật những đóng góp hữu hình và vô hình của người vợ – như việc tham gia xây dựng nhà, thanh toán nợ, quản lý tài sản và chăm sóc con – vốn thường bị xem nhẹ trong thực tiễn xét xử. Nhóm tác giả cũng chỉ ra rằng việc chia tài sản theo tỉ lệ 50/50 trong bản án gốc chưa thực sự phản ánh đúng hoàn cảnh yếu thế của người vợ hậu ly hôn. Do giới hạn của phạm vi kháng cáo, bản án viết lại vẫn giữ nguyên yêu cầu chia đôi nhưng đưa ra lập luận đầy đủ hơn, mang tính nhân văn và tiến bộ, góp phần thúc đẩy tư duy xét xử công bằng và bình đẳng giới trong các vụ án hôn nhân và gia đình.

PHÁN QUYẾT VỀ CÔNG NHẬN CHA VÀ QUYỀN NUÔI CON: MANG THAI HỘ XUYỀN QUỐC GIA VÀ CÁC CHIỀU CẠNH CÔNG LÝ TRONG MỘT BẢN ÁN CỦA TÒA ÁN VIỆT NAM DƯỚI GÓC NHÌN NỮ QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Nguyễn Trương Anh Trâm

Viện Quốc tế UEL, Trường Đại học Kinh tế - Luật, VNU-HCM

Email: tramnta@uel.edu.vn

Bài viết này phân tích phê phán một bản án của tòa án Việt Nam liên quan đến một thỏa thuận mang thai hộ xuyên quốc gia, tập trung vào việc xác định quan hệ cha con và chuyển giao quyền nuôi dưỡng. Dựa trên lý thuyết công lý ba chiều của Nancy Fraser – phân phối lại, công nhận và đại diện – bài viết khảo sát cách hệ thống pháp lý tương tác với các yếu tố phức tạp của quan hệ huyết thống, chăm sóc và danh tính xuyên biên giới.

Dù tòa án đưa ra một phán quyết rõ ràng dựa trên mối quan hệ huyết thống và trình tự pháp lý, vụ án vẫn đặt ra những câu hỏi sâu sắc hơn về việc tiếng nói của ai được ưu tiên, vai trò chăm sóc được xã hội đánh giá như thế nào, và những trách nhiệm vật chất nào được công nhận hoặc bị bỏ qua. Bài viết đặc biệt chú ý đến những động lực ngầm của việc phân phối kinh tế trong các thỏa thuận như vậy, nhất là các điều kiện cấu trúc định hình lựa chọn và sự dễ bị tổn thương của những người tham gia.

Đặt vụ án vào bối cảnh rộng hơn của công lý sinh sản và bất bình đẳng toàn cầu, bài viết mời gọi suy ngẫm về cách các quyết định pháp lý có thể phản ánh những vấn đề sâu xa trong cấu trúc hiện đại của gia đình, trách nhiệm và chăm sóc xuyên quốc gia. Bài viết đồng thời kêu gọi tăng cường các cơ chế pháp lý nhằm đảm bảo sự tham gia bình đẳng của tất cả các bên – đặc biệt là người mang thai hộ và trẻ em – và kiến nghị xây dựng một khung pháp lý xuyên quốc gia cho vấn đề mang thai hộ, được đặt nền tảng trên lý thuyết công lý biến đổi và đa chiều của Fraser. Cuối cùng, bài viết kết thúc bằng một bản án được viết lại dựa trên khung lý thuyết công lý ba chiều này.

BẢN ÁN VỀ PHÂN CHIA QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHI GIẢI QUYẾT LY HÔN

Phạm Thị Bích Phượng

Toà Phúc thẩm Toà án Nhân dân Tối cao tại Hà Nội

Email: phuongmelody.74@gmail.com

Bài viết phân tích một bản án hôn nhân và gia đình điển hình, trong đó tranh chấp chính liên quan đến việc phân chia quyền sử dụng nhà đất giữa vợ với chồng và giữa người mẹ (thành viên gia đình) với cặp vợ chồng ly hôn. Tác giả đặt trọng tâm vào việc đánh giá cách Tòa án xác định tài sản chung và quyết định phân chia tài sản khi ly hôn, dưới góc nhìn của lý thuyết pháp luật nữ quyền. Dữ liệu từ bản án cho thấy, mặc dù pháp luật hiện hành và thực tiễn xét xử đã có nhiều tiến bộ trong bảo vệ quyền sử dụng nhà đất của phụ nữ, song vẫn tồn tại những hạn chế về việc công nhận đầy đủ vai trò, công sức và hoàn cảnh thực tế của người vợ cũng như người mẹ trong gia đình.

Tác giả chỉ ra rằng trong một số tình huống, người phụ nữ – với tư cách là người vợ hoặc người mẹ – chưa được phân chia tài sản hợp lý, đặc biệt khi nhu cầu ổn định nơi ở, chăm sóc con cái, và sự đóng góp lâu dài vào việc tạo lập tài sản không được xem xét đúng mức. Thông qua việc vận dụng lý thuyết nữ quyền, bài viết nhấn mạnh sự cần thiết phải nhìn nhận tài sản không chỉ từ nguồn gốc pháp lý mà còn từ thực tiễn đóng góp và điều kiện sinh sống của các bên.

Kết luận, bài viết đề xuất viết lại bản án theo hướng tiến bộ, công bằng hơn, bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích của phụ nữ trong bối cảnh ly hôn, đặc biệt là trong phân chia tài sản nhà đất – tài sản có giá trị sống còn đối với phụ nữ và trẻ em sau ly hôn. Qua đó, bài viết đóng góp một góc nhìn lý luận và thực tiễn quan trọng trong việc hoàn thiện pháp luật và tư duy xét xử hiện nay.

BẢN ÁN VỀ YÊU CẦU CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH TẠI VIỆT NAM BẢN ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH CỦA TOÀ ÁN NƯỚC NGOÀI

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM

nhungnth@uel.edu.vn

Ngô Minh Phương Thảo

Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM

thaonmp@uel.edu.vn

Trong bối cảnh Việt Nam từng bước khẳng định vai trò trên trường quốc tế, bình đẳng giới trở thành một trong những ưu tiên trong chính sách quốc gia. Tuy nhiên, nhiều lĩnh vực pháp lý như Tư pháp quốc tế vẫn được coi là “trung lập giới”, dẫn đến nguy cơ bỏ sót các yếu tố bất bình đẳng giới trong thực tiễn xét xử. Bài viết này phân tích bản án phúc thẩm số 244/2018/QĐDS-PT về yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của Tòa án Pháp liên quan đến quyền nuôi con của một người mẹ Việt Nam. Bằng việc vận dụng lý thuyết pháp luật nữ quyền, nhóm tác giả cho rằng dù quy định pháp luật Việt Nam về thủ tục công nhận và cho thi hành bản án nước ngoài tương đối đầy đủ, song thực tiễn áp dụng còn tồn tại bất cập — đặc biệt là sự chậm trễ trong tố tụng — có thể tạo ra rào cản tiếp cận công lý cho phụ nữ. Bài viết đặt vấn đề liệu quyền nuôi con nhỏ của người mẹ – khi người mẹ có đầy đủ điều kiện chăm sóc – có nên được xem là một nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam hay không. Qua đó, bài viết đề xuất cần định danh rõ ràng các nguyên tắc pháp lý cơ bản để đảm bảo tính nhất quán trong quá trình công nhận và thi hành bản án nước ngoài tại Việt Nam. Đồng thời, việc lồng ghép bình đẳng giới, đặc biệt từ lăng kính nữ quyền, cần được xem là thiết yếu trong cả hoạt động xây dựng pháp luật lẫn thực tiễn xét xử nhằm đảm bảo tốt nhất quyền lợi của phụ nữ và trẻ em – những nhóm dễ bị tổn thương trong xã hội hiện nay.

YÊU CẦU CÔNG NHẬN QUYỀN THỪA KẾ VÀ TRANH CHẤP DI SẢN THỪA KẾ

Nguyễn Thị Kim Chung

Khoa Luật, Học viện Hành chính và Quản trị công

Email: chungvhc@gmail.com

Bài viết này phân tích vụ án dân sự giữa ông Đặng Văn V và bà Lưu Thị D về yêu cầu công nhận quan hệ con nuôi và chia di sản thừa kế, từ góc nhìn lý thuyết pháp luật nữ quyền. Trong bối cảnh nhiều gia đình không có con thực hiện việc “nhận nuôi thực tế” mà không hoàn tất thủ tục pháp lý, các tranh chấp thừa kế tài sản thường bộc lộ sự căng thẳng giữa đạo lý xã hội và quy định pháp luật. Vụ việc này đặc biệt đáng chú ý vì liên quan đến quyền tài sản của một người vợ không có con, là đồng sở hữu và người trực tiếp quản lý khối tài sản trong hôn nhân.

Trải qua ba cấp xét xử, các Tòa án đã đưa ra những quan điểm trái ngược: từ bác yêu cầu vì thiếu căn cứ pháp lý (sơ thẩm), công nhận giá trị đạo lý của quan hệ nuôi dưỡng (phúc thẩm), đến khẳng định sự ưu tiên của pháp luật thực định và bảo vệ quyền sở hữu của người vợ (giám đốc thẩm). Bài viết lập luận rằng, mặc dù bản án giám đốc thẩm không tuyên theo lý thuyết nữ quyền, nhưng kết quả lại góp phần khẳng định quyền sở hữu độc lập và tính chủ thể pháp luật của phụ nữ, chống lại các yêu sách dựa trên quan niệm gia trưởng về “dòng họ” và “hiếu nghĩa”.

Bằng việc viết lại bản án theo lăng kính nữ quyền, bài viết nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phân tích bối cảnh giới trong các tranh chấp tài sản và đề xuất cách diễn giải pháp luật có tính nhạy cảm giới hơn. Qua đó, nó góp phần vào nỗ lực đưa lý thuyết nữ quyền vào thực tiễn xét xử nhằm xây dựng một nền tư pháp công bằng và toàn diện hơn cho phụ nữ và các nhóm yếu thế trong xã hội Việt Nam.

BẢN ÁN VỀ TRANH CHẤP LAO ĐỘNG XỬ LÝ KỶ LUẬT SA THẢI VỚI CÁ NHÂN CÓ HÀNH VI QUẤY RỐI TÌNH DỤC

Phạm Thị Thu Phương

TUVA Communication

phamthithuphuong2511@gmail.com

Nguyễn Thảo Minh

Học viện Ngoại giao

thaominhnguyendav@gmail.com

Bài viết phân tích bản án lao động về tranh chấp kỷ luật sa thải, trong đó người lao động bị cáo buộc có hành vi quấy rối tình dục ngoài giờ làm việc đối với đồng nghiệp nữ. Tòa tuyên bố quyết định sa thải của doanh nghiệp là trái pháp luật do vi phạm trình tự, thủ tục kỷ luật và chưa làm rõ mối liên hệ giữa hành vi bị tố cáo với quan hệ lao động. Dựa trên lý thuyết pháp luật nữ quyền, bài viết lập luận rằng cách hiểu hạn chế về khái niệm “nơi làm việc” và phân chia không gian công - tư đã làm suy yếu năng lực bảo vệ nạn nhân của pháp luật hiện hành. Trong bối cảnh đó, phản ứng của doanh nghiệp, dù vượt khỏi khuôn khổ pháp lý hiện tại, có thể được nhìn nhận như một nỗ lực chủ động nhằm bảo vệ an toàn cho người lao động nữ. Phân tích bản án giúp đặt lại vấn đề về giới hạn trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với các hành vi vi phạm xảy ra trong vùng “xám” giữa công và tư, đồng thời gợi mở hướng mở rộng phạm vi điều chỉnh của quan hệ lao động phù hợp với thực tiễn hiện đại. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất khung pháp lý linh hoạt hơn, cho phép doanh nghiệp phản ứng hợp pháp với các dấu hiệu quấy rối tình dục trong môi trường lao động mở rộng.

CHỦ ĐỀ 2

HÌNH SỰ

BẢN ÁN DÀNH CHO NỮ LÃNH ĐẠO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN

Lê Thị Hằng

Khoa Đào tạo Đại học

Học viện Toà án – Toà án nhân dân tối cao

Bài viết tiếp cận vụ án Nguyễn Thị Kim Xuyến – cựu Phó Tổng giám đốc Ngân hàng Đông Á – theo lý thuyết pháp luật nữ quyền, nhằm phơi bày những giới hạn của tư pháp hình sự Việt Nam hiện hành trong việc nhận diện yếu tố giới và bối cảnh xã hội của phụ nữ phạm tội. Mặc dù hệ thống pháp luật khẳng định nguyên tắc “bình đẳng trước pháp luật”, việc áp dụng ngôn ngữ trung tính giới và cấu trúc pháp lý hình thức lại khiến các chủ thể nữ bị xét xử theo chuẩn mực của một “công dân hình sự trù tượng”, vốn mang đặc trưng của nam giới. Bằng việc phân tích bản án sơ thẩm và phúc thẩm tuyên phạt bà Xuyến 30 năm tù – mức hình phạt tối đa, bài viết cho thấy tư pháp đã bỏ qua hoàn toàn các yếu tố như vị trí quyền lực thực chất, vai trò giới trong tổ chức ngân hàng, động cơ chăm sóc gia đình, cũng như khả năng lựa chọn bị giới hạn của phụ nữ trong cấu trúc quyền lực nam giới.

Thông qua khung lý thuyết pháp luật nữ quyền hiện đại, bài viết đề xuất bản án thay thế không thay đổi tội danh nhưng điều chỉnh lập luận theo hướng nhạy cảm giới, công nhận các yếu tố xã hội – giới tính như động cơ, hoàn cảnh cá nhân, trách nhiệm chăm sóc, và mức độ phụ thuộc quyền lực. Bài viết khẳng định: công lý hình sự sẽ không thực sự công bằng nếu tiếp tục coi phụ nữ như các phiên bản thất bại của nam giới phạm tội. Việc tích hợp lăng kính nữ quyền vào tư pháp là bước thiết yếu để hướng tới một nền pháp lý nhân văn, công bằng và nhìn thấy con người trong toàn thể bối cảnh sống của họ.

BẢN ÁN VỀ TỘI “HIẾP DÂM NGƯỜI DƯỚI 16 TUỔI”: QUYỀN TIẾP CẬN CÔNG LÝ CỦA NẠN NHÂN NỮ BỊ XÂM HẠI TÌNH DỤC

Đặng Thị Hoài

Viện Nhà nước và Pháp luật,

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

hoaianh0814@gmail.com

Bài viết tiếp cận bản án số 23/2022/HS-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận dưới lăng kính pháp luật nữ quyền, phân tích một vụ án hiếp dâm trẻ em gái khuyết tật do người sống chung với mẹ nạn nhân thực hiện. Mặc dù tòa tuyên án 16 năm tù cho bị cáo, bài viết cho rằng bản án vẫn chưa thực sự bảo vệ đầy đủ quyền lợi của nạn nhân và chưa phản ánh trọn vẹn mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội.

Thông qua lý thuyết nữ quyền, đặc biệt là tiếp cận công lý nhạy cảm giới và quyền trẻ em, bài viết chỉ ra 5 bất cập trọng yếu trong bản án: (1) bỏ qua lời khai có giá trị của bị hại về hành vi phạm tội lặp lại; (2) không áp dụng tình tiết định khung tăng nặng liên quan đến trách nhiệm chăm sóc; (3) sử dụng tình tiết giảm nhẹ không phù hợp; (4) thiếu hỗ trợ tâm lý, bảo vệ cho nạn nhân – đặc biệt khi người giám hộ có thể có xung đột lợi ích; (5) không áp dụng nguyên tắc công lý phục hồi, bỏ qua nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho nạn nhân nữ bị xâm hại tình dục dẫn đến mang thai và sinh con.

Bài viết đề xuất hoàn thiện bản án theo hướng đảm bảo công lý phục hồi, xem xét đầy đủ yếu tố giới và bối cảnh xã hội, xây dựng quy trình tư pháp đặt nạn nhân làm trung tâm. Từ đó, nghiên cứu góp phần thúc đẩy việc tích hợp nguyên tắc nhạy cảm giới trong xét xử các vụ xâm hại tình dục – đặc biệt khi nạn nhân là trẻ em gái, người khuyết tật, và sống trong môi trường gia đình có cấu trúc quyền lực bất bình đẳng.

BẢO VỆ PHỤ NỮ LÀ NẠN NHÂN CỦA BẠO LỰC GIA ĐÌNH QUA BÌNH LUẬN VỤ ÁN HÌNH SỰ VỀ TỘI HÀNH HẠ VỢ

Hà Lệ Thủy

thuyhl@hul.edu.vn

Nguyễn Thị Hoài

hoaint@hul.edu.vn

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Bài viết tiếp cận vụ án hình sự về bạo lực gia đình giữa Vũ Văn T và Lê Đỗ Phương U dưới lăng kính lý thuyết nữ quyền, nhằm phân tích những hạn chế trong cách thức hệ thống tư pháp hình sự hiện hành nhìn nhận và xử lý các vụ án bạo lực trên cơ sở giới. Mặc dù bị cáo bị kết án 10 tháng tù về tội “Hành hạ vợ” theo Điều 185 BLHS, bài viết lập luận rằng việc không định tội danh “Cố ý gây thương tích” theo Điều 134 là biểu hiện của cách tiếp cận phiến diện, chưa đặt trọng tâm vào sự tổn hại thể chất và tâm thần thực sự của nạn nhân nữ.

Trên cơ sở lý thuyết nữ quyền, bài viết chỉ ra 4 vấn đề cốt lõi: (1) quy trình xác định tội danh bỏ sót hậu quả thương tật nặng nề và yếu tố quyền lực giới; (2) cách tính mức bồi thường chưa thỏa đáng, không xét đến chi phí phát sinh dài hạn và khả năng chi trả thực tế của thủ phạm; (3) sử dụng tài sản chung để bồi thường vô hình trung làm nạn nhân tiếp tục gánh chịu tổn thất kép; (4) mức hình phạt nhẹ chưa phản ánh đầy đủ mức độ nghiêm trọng và tính chất lặp lại của hành vi bạo lực.

Bài viết đề xuất các khuyến nghị hoàn thiện hệ thống tư pháp theo hướng nhạy cảm giới: xét xử các vụ án bạo lực gia đình trên cơ sở đánh giá đầy đủ tác động giới, thiết lập cơ chế bồi thường công và các biện pháp can thiệp bảo vệ nạn nhân sau xét xử. Qua đó, bài viết hướng tới một nền tư pháp không chỉ trừng phạt kẻ phạm tội mà còn phục hồi quyền và nhân phẩm cho phụ nữ – những người chịu thiệt thòi kép từ cả xã hội và hệ thống pháp lý.

TỘI GIẾT HOẶC VỨT BỎ CON MỚI ĐẸ - GÁNH NẶNG CỦA XÃ HỘI GIA TRƯỞNG TRÊN THÂN PHỤ NỮ

Nguyễn Đình Đức

Trường Đại học Kinh tế - Luật, VNU – HCM

Nguyễn Phương Quỳnh Chi

Viện Pháp luật Quốc tế và So sánh, Trường Đại học Kinh tế - Luật, VNU – HCM

Bài viết này sử dụng lý thuyết pháp luật nữ quyền để giải cấu trúc tội danh “giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ” theo Điều 124 Bộ luật Hình sự Việt Nam. Đây là tội danh duy nhất gắn liền với chủ thể là người mẹ, được xây dựng nhằm tách biệt với tội giết người thông thường, dựa trên giả định về sự dễ tổn thương tâm lý của phụ nữ sau sinh. Tuy nhiên, nhóm tác giả lập luận rằng sự bao dung này không hẳn là tiến bộ, mà có thể duy trì định kiến giới và loại trừ vai trò, trách nhiệm của các chủ thể khác trong hành vi dẫn đến cái chết của trẻ sơ sinh. Bài viết phân tích lịch sử hình thành điều luật, so sánh với quy định tại các quốc gia khác như Thụy Điển, Nga, Canada và đặt điều luật trong bối cảnh văn hóa – xã hội của Việt Nam. Qua khảo sát 10 bản án gần đây, nhóm tác giả nhận thấy sự thiếu nhất quán trong cách tuyên án, khi nhiều trường hợp tuy có tình tiết giảm nhẹ tương tự nhưng lại không được hưởng án treo. Phân tích các bản án tuyên hình phạt tù, nhóm tác giả cho rằng một số trường hợp chưa làm rõ tình trạng sức khỏe tâm thần hoặc hoàn cảnh đặc biệt của người mẹ – những yếu tố then chốt để áp dụng đúng tinh thần của điều luật. Bài viết đề xuất hoàn thiện Điều 124 theo hướng xác định rõ các yếu tố khoa học về tâm lý hậu sản, thiết lập giới hạn thời gian hợp lý, đồng thời cụ thể hóa các yếu tố “tư tưởng lạc hậu” và “hoàn cảnh khách quan đặc biệt”. Từ đó, bảo vệ công lý cho phụ nữ mà không duy trì định kiến giới – vốn là di sản của hệ thống pháp luật mang tính phụ quyền.

BẢN ÁN VỀ TỘI PHẠM TỔ CHỨC MANG THAI HỘ VÌ MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI

Phan Thị Hương Giang

Trường Đại học Kinh tế - Luật, VNU – HCM

giangpth@uel.edu.vn

Nguyễn Phương Quỳnh Chi

Viện Pháp luật Quốc tế và So sánh, Trường Đại học Kinh tế - Luật, VNU – HCM

chinpq@uel.edu.vn

Mang thai hộ là một hình thức hỗ trợ sinh sản đặc biệt, cho phép phụ nữ mang thai giúp người khác sinh con, thường được quy định chặt chẽ để bảo vệ quyền và nhân phẩm con người. Bài viết này cung cấp cái nhìn tổng quan về quy định pháp luật của Anh, Hoa Kỳ và Việt Nam liên quan đến mang thai hộ, đặc biệt nhấn mạnh sự khác biệt giữa mang thai hộ vì mục đích nhân đạo và vì mục đích thương mại. Việt Nam nghiêm cấm tuyệt đối mang thai hộ vì thương mại nhằm ngăn chặn việc khai thác cơ thể phụ nữ, bảo vệ nhân phẩm và tránh thương mại hóa hoạt động sinh sản.

Bên cạnh phần tổng quan pháp lý, bài viết tập trung phân tích bản án số 106/2024/HS-ST của TAND Quận Đống Đa, Hà Nội – một vụ án điển hình về tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại. Từ góc nhìn lý thuyết pháp luật nữ quyền, bài viết chỉ ra ba vấn đề trọng tâm: (i) bản án có phản ánh đầy đủ mục tiêu bảo vệ phụ nữ khỏi bị trục lợi thân thể hay chưa; (ii) hình phạt đã đủ nghiêm khắc và răn đe; (iii) quyền lợi của người mang thai hộ có được bảo vệ công bằng không.

Bài viết đề xuất viết lại bản án theo hướng tiếp cận nữ quyền, trong đó quyền được bảo vệ thân thể, sức khỏe và lợi ích hợp pháp của phụ nữ mang thai hộ phải được đặt ở trung tâm. Kết luận kêu gọi xây dựng chính sách và tư duy xét xử tiên bộ hơn, nhằm bảo vệ người phụ nữ khỏi bị thương mại hóa, đảm bảo công lý thực chất và tăng cường hiệu lực pháp luật hình sự trong bối cảnh công nghệ sinh sản ngày càng phát triển.